

**CÔNG TY TNHH SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH LIÊN KẾT Á CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH LIÊN KẾT Á CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A CHAU TRAVEL AND TOURISM EVENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108009174

**3. Ngày thành lập:** 04/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 16, tổ 5, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982.241.932

Fax:

Email: [dulichlienketachau@gmail.com](mailto:dulichlienketachau@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                         | 5210     |
| 2.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                    | 5610     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                     | 6209     |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                           | 7310     |
| 5.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v... | 6329     |
| 6.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                             | 8560     |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                      | 7410     |
| 8.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                       | 9321     |
| 9.  | Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình                                                                                                                                                                         | 9700     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                 | 4662     |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                            | 7320     |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                 | 4931     |
| 13. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                               | 7912     |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                     | 4719     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.<br>( Điều 4,6,7,8,9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính Phủ) | 4932        |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4620        |
| 17. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631        |
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911(Chính) |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230        |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510        |
| 21. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5021        |
| 22. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5022        |
| 23. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9329        |
| 24. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |
| 25. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6312        |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 27. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710        |
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7920        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4632        |
| 30. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633        |
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến,<br>- Bán buôn xi măng,<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi,<br>- Bán buôn kính xây dựng, sơn, vécni,<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim, ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, bồn nước Inox, ...                  | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết.<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá | 5229 |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                 | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI GIA BẢO    | Tổ 3, khối Tây Hồ 2, Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam      | 600.000.000           | 30,000    | 187039210                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HOA | thôn 5, Xã Giới Phiên, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam                     | 1.400.000.000         | 70,000    | 060878271                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/09/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 060878271

Ngày cấp: 16/11/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thôn 5, Xã Giới Phiên, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *B2803 tòa nhà The Garden số 99 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội